

số: 01/2025/CB-HL

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 01 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu
là cơ sở hướng dẫn thực hành**

Kính gửi: Sở Y tế

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: **Bệnh viện đa khoa Hợp Lực**

Số giấy phép hoạt động: 112/BYT-GPHĐ

Cơ quan cấp: Bộ Y tế, cấp ngày

Địa chỉ số: 595 Nguyễn Chí Thanh, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Nguyễn Xuân Mậu

Điện thoại liên hệ: 02373 713 713. 02373 713 777

Căn cứ Nghị Định số: 96/2023/NĐ-CP, ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng được hướng dẫn thực hành:

- Bác sĩ Y khoa, bác sĩ Y học dự phòng, bác sĩ Y học cổ truyền, bác sĩ Răng hàm mặt
- Bác sĩ chuyên khoa
- Điều dưỡng, Hộ sinh, Y sĩ Y học cổ truyền
- Kỹ thuật y: Kỹ thuật hình ảnh y học, kỹ thuật Xét nghiệm y học, kỹ thuật Phục hồi chức năng

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành (phụ lục 1 kèm theo)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có): Không

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: (Phụ lục 2 kèm theo).

5. Chi phí hướng dẫn thực hành:

- Đối với nhân viên tại bệnh viện: Không thu phí
- Đối với cán bộ y tế là người thực hành không là nhân viên:
 - + Bác sĩ: 2.000.000vnd/ tháng
 - + Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, các chức danh khác: 1.500.000vnd/ tháng.

Bệnh viện đa khoa Hợp Lực cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo bản công bố: Kế hoạch đào tạo hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Mậu

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 01 năm 2025

KẾ HOẠCH

ĐÀO TẠO HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HỢP LỰC

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số: 01/2025/CB-HL, ngày 01/01/2025)

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều Luật khám bệnh, chữa bệnh.

Bệnh viện đa khoa quốc tế Hợp Lực lập kế hoạch đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với các học viên tốt nghiệp các trường khối ngành sức khỏe như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Học viên sau quá trình thực hành tại bệnh viện sẽ có kiến thức về Luật khám chữa bệnh; Quy chế bệnh viện; Thực hành thành thạo các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định điều trị, chăm sóc người bệnh, kê đơn thuốc một cách chủ động, an toàn, hiệu quả cho người bệnh. Đáp ứng điều kiện hoàn thành quá trình thực hành lâm sàng, cận lâm sàng để cấp Giấy phép hành nghề.

2. Mục tiêu cụ thể:

Nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh dựa trên cơ sở quy định tại Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều Luật khám bệnh, chữa bệnh.

II. PHẠM VI, THỜI GIAN VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi triển khai:

Các khoa lâm sàng, cận lâm sàng tại Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hợp Lực.

2. Thời gian thực hiện: Sau khi được Sở Y tế công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành.

3. Đối tượng:

3.1 Đối tượng chưa có giấy phép hành nghề

- Bác sĩ Y khoa, bác sĩ Y học dự phòng, bác sĩ Y học cổ truyền, bác sĩ Răng hàm mặt
- Điều dưỡng, hộ sinh, y sĩ y học cổ truyền
- Kỹ thuật y: Kỹ thuật hình ảnh y học, kỹ thuật Xét nghiệm y học, kỹ thuật Phục hồi chức năng

3.2 Đối tượng đã có chứng chỉ hành nghề/giấy phép hành nghề

Đối tượng	Lĩnh vực	Phạm vi chuyên môn thực hành
- Chức danh bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề/ giấy phép hành nghề - Tham gia khoá đào tạo chuyên khoa cơ bản từ 9 tháng trở lên	- Nội khoa	Chuyên khoa Nội
	- Ngoại khoa	Chuyên khoa Ngoại
	- Sản khoa	Chuyên khoa Sản
	- Nhi khoa	Chuyên khoa Nhi
	- Hồi sức cấp cứu	Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu
	- Gây mê hồi sức	Chuyên khoa Gây mê hồi sức
	- Chẩn đoán hình ảnh	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh
	- Phục hồi chức năng	Chuyên khoa Phục hồi chức năng
	- Mắt	Chuyên khoa Mắt
	- Tai mũi họng	Chuyên khoa Tai mũi họng
	- Răng hàm mặt	Chuyên khoa Răng hàm mặt
	- Ung Bướu	Chuyên khoa ung Bướu

III. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

1. Hướng dẫn về các văn bản quy định pháp luật khám bệnh, chữa bệnh:

a. Nội dung: (mỗi nội dung 2-4 giờ tín chỉ)

- Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế tổ chức, quản lý Bệnh viện;

b. Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành lâm sàng

2. Hướng dẫn thực hành lâm sàng:

2.1 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là y khoa

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 9 tháng tại các khoa:

- + Khoa Nội tổng hợp: 02 tháng,

- + Khoa Ngoại tổng hợp: 02 tháng,

- + Khoa Nhi: 02 tháng,

- + Khoa Sản: 02 tháng,

- + Khoa Liên chuyên khoa (Mắt + Răng Hàm Mặt + Tai Mũi Họng), Y học cổ truyền-Phục hồi chức năng: 01 tháng.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.2 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là y học dự phòng

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 9 tháng tại các khoa:

- + Khoa Nội tổng hợp: 02 tháng,

- + Khoa Ngoại tổng hợp: 02 tháng,

- + Khoa Nhi: 02 tháng,

- + Khoa Sản: 02 tháng,

- + Khoa Liên chuyên khoa (Mắt + Răng Hàm Mặt + Tai Mũi Họng), Y học cổ truyền-Phục hồi chức năng: 01 tháng.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh phạm vi chuyên môn y học dự phòng

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.3 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là y học cổ truyền

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 9 tháng tại các khoa:

+ Y học cổ truyền – phục hồi chức năng: 6 tháng,

+ Khoa Nội tổng hợp: 02 tháng,

+ Khoa Liên chuyên khoa (Mắt + Răng Hàm Mặt + Tai Mũi Họng), Y học cổ truyền-Phục hồi chức năng: 01 tháng.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh phạm vi chuyên môn y học cổ truyền

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VI Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.4 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Vật lý trị liệu – Phục Hồi chức năng

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 9 tháng tại các khoa:

+ Y học cổ truyền – phục hồi chức năng: 6 tháng,

+ Khoa Nội tổng hợp: 02 tháng,

+ Khoa Liên chuyên khoa (Mắt + Răng Hàm Mặt + Tai Mũi Họng), Y học cổ truyền-Phục hồi chức năng: 01 tháng.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh phạm vi chuyên môn Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VI Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.5 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Răng hàm mặt

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 9 tháng tại các khoa:

+ Khám bệnh: 2 tháng,

+ Khoa Ngoại chấn thương: 01 tháng,

+ Khoa Liên chuyên khoa (Mắt + Răng Hàm Mặt + Tai Mũi Họng): 06 tháng.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh phạm vi chuyên môn Răng hàm mặt
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VIII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.6 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Nội khoa

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội 09 tháng tại khoa Nội tổng hợp và các phòng khám nội của khoa Khám bệnh.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội
- Danh mục kỹ thuật trong mục II phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.7 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Ngoại khoa:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại 09 tháng tại khoa Ngoại tổng hợp, khoa Ngoại chấn thương và các phòng khám ngoại của khoa Khám bệnh.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại
- Danh mục kỹ thuật trong mục IX phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.8 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Sản nhi:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản 09 tháng tại khoa Sản – nhi và các phòng khám thai, phụ khoa, khám nhi của khoa Khám bệnh.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản - Nhi.
- Danh mục kỹ thuật trong mục XII phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế

2.9 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Ung bướu:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi 09 tháng tại khoa ung bướu và các phòng khám ung bướu của khoa Khám bệnh.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ung bướu.
- Danh mục kỹ thuật trong mục III phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.10 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Hồi sức cấp cứu:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 12 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc: 09 tháng, khoa Cấp cứu: 03 tháng).

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu và chống độc.
- Danh mục kỹ thuật trong mục I phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.11 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Gây mê hồi sức:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức 09 tháng tại khoa Phẫu thuật-Gây mê hồi sức.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức.
- Danh mục kỹ thuật trong mục VIII phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.12 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Chẩn đoán hình ảnh:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh 09 tháng tại khoa Chẩn đoán hình ảnh.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh.
- Danh mục kỹ thuật trong mục XVI phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.13 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Mắt:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt 09 tháng tại khoa Liên chuyên khoa (Mắt + Răng Hàm Mặt + Tai Mũi Họng).

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt.
- Danh mục kỹ thuật trong mục XIII phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.14 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Tai Mũi Họng:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng 09 tháng tại khoa Liên chuyên khoa (Mắt + Răng Hàm Mặt + Tai Mũi Họng).

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng.
- Danh mục kỹ thuật trong mục XIV phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.15 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Răng Hàm Mặt:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt 09 tháng tại khoa Liên chuyên khoa (Mắt + Răng Hàm Mặt + Tai Mũi Họng)

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt.
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VIII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.16 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Điều dưỡng đa khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 01 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 05 tháng các khoa sau:
 - + Khoa Nội tổng hợp: 02 tháng;
 - + Khoa Ngoại tổng hợp: 01 tháng;

+ Khoa Nhi: 01 tháng;

+ Khoa Sản: 01 tháng.

b. Nội dung thực hành:

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục số XII - Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh điều dưỡng ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.17 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Hộ sinh:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 01 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 05 tháng tại khoa Sản.

b. Nội dung thực hành:

- Danh mục kỹ thuật phụ lục số XIII - Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh hộ sinh ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.18 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Y sỹ Y học cổ truyền

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 06 tháng tại khoa Y học cổ truyền-Phục hồi chức năng.

b. Nội dung thực hành:

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục XI - Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh Y sỹ Y học cổ truyền ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.19 Hướng dẫn thực hành cho Kỹ thuật viên Hình ảnh y học:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 01 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 05 tháng tại khoa Chẩn đoán hình ảnh.

b. Nội dung thực hành:

- Danh mục kỹ thuật trong mục I phụ lục số XIV - Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh kỹ thuật y ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.20 Hướng dẫn thực hành cho Kỹ thuật viên Xét nghiệm y học:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 01 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 05 tháng tại khoa Xét nghiệm.

b. Nội dung thực hành:

- Danh mục kỹ thuật trong mục II phụ lục số XIV - Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh kỹ thuật y ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.21 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 01 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 05 tháng tại khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng.

b. Nội dung thực hành:

- Danh mục kỹ thuật mục III phụ lục số XIV - Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh kỹ thuật Y ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Người chịu trách nhiệm đào tạo: Giám đốc Bệnh viện

- Chịu trách nhiệm trong toàn bộ quá trình đào tạo và kết quả đào tạo tại Bệnh viện (trách nhiệm chung).

- Phê duyệt kế hoạch đào tạo và chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Quyết định phân công, chỉ đạo cá nhân hoặc bộ phận làm quản lý đào tạo.

- Xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định.

2. Phòng Kế hoạch tổng hợp

- Xây dựng kế hoạch đào tạo thực hành trình Lãnh đạo bệnh viện phê duyệt.

- Phối hợp các trưởng/phó khoa/phòng liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể cho khóa đào tạo.

- Điều phối hoạt động đào tạo thực hành.

- Đánh giá mức độ hoàn thành cuối kỳ của học viên.

- Phối hợp với các trưởng khoa đề xuất việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung đào tạo phương thức tổ chức đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế, trình Giám đốc phê duyệt.

- Chịu trách nhiệm báo cáo đánh giá kế hoạch đào tạo định kỳ và đột xuất của Bệnh viện.
- Lập danh sách học viên đăng ký thực hành tại Bệnh viện và người hướng dẫn thực hành tại Bệnh viện.
- Thực hiện thủ tục xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo mẫu 07 phụ lục I của Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

3. Phòng Truyền thông – Chăm sóc khách hàng

- Đăng tải công khai Kế hoạch hướng dẫn thực hành trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện.

4. Các khoa, phòng chịu trách nhiệm đào tạo tại khoa: Các trưởng, phó khoa liên quan.

- Tổ chức đào tạo và đánh giá đào tạo tại khoa,
- Trực tiếp tham gia hướng dẫn cho học viên,
- Đánh giá mức độ hoàn thành của học viên.

5. Nhiệm vụ của học viên

- Tham gia thực hiện đầy đủ thời gian như quy định.
- Nghiêm túc tuân thủ các quy định của Bệnh viện, học tập, thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát của người được phân công phụ trách hướng dẫn thực hành.
- Chủ động, tích cực học tập, thực hành theo chương trình đào tạo để đạt các chuẩn năng lực theo quy định.
- Tích cực đưa ý kiến phản hồi để hoàn thiện kỹ năng.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

Thực hiện theo quy chế của Bệnh viện.



Nguyễn Xuân Mậu

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 12 năm 2024

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

*(Kèm theo Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở
hướng dẫn thực hành số: 01 /BV- HL ngày 01 tháng 01 năm 2025)*

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn
1	Hướng dẫn thực hành Bác sỹ chuyên khoa Hồi sức cấp cứu				
1	Ngô Văn Sơn	BS.CKII	004687/TH-CCHN	16/12/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa hồi sức tích cực (theo quyết định số 969/QĐ-SYT ngày 16/8/2017)
2	Bùi Tiến Lực	BS.CKI	004651/TH-CCHN	05/12/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội, hồi sức cấp cứu (theo QĐ số 122/QĐ-SYT ngày 22/01/2018)
3	Lê Doanh Tâm	BS.CKI	016042/TH-CCHN	26/09/2019	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Hồi sức cấp cứu
4	Nguyễn Văn Phương	BS.CKI	15766/TH-CCHN	17/7/2019	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa Hồi sức cấp cứu
2	Hướng dẫn thực hành Bác sỹ chuyên khoa Nội				
1	Trịnh Ngọc Thêm	BS.CKI	004727/TH-CCHN	05/12/2013	Khám chữa bệnh Nội khoa
2	Nguyễn Văn Công	BS.CKI	004634/TH-CCHN	05/12/2013	Khám chữa bệnh Nội khoa Nội Tim mạch
3	Nguyễn Thị Phương	BS.CKI	004686/TH-CCHN	16/12/2013	Khám chữa bệnh Nội khoa
4	Nguyễn Thị Linh	Ths.BS	006651/TH-CCHN	26/04/2014	Khám chữa bệnh Nội khoa Nội Tim mạch
5	Trịnh Thị Thanh Xuân	BS.CKI	000658/TH-CCHN	25/06/2012	Khám chữa bệnh Nội khoa
6	Mai Xuân Phương	BS.CKI	016750/TH-CCHN	06/5/2020	Khám chữa bệnh Đa khoa
7	Ngọc Văn Minh	BS.CKI	009109/TH-CCHN	10/04/2015	Khám chữa bệnh Y khoa
8	Vũ Thị Niên	BS.CKI	004679/TH-CCHN	16/12/2013	Khám chữa bệnh nội khoa
9	Nguyễn Tiến Công	BSCKI	004645/TH-CCHN	05/12/2013	Khám chữa bệnh nội khoa

10	Phạm Minh Hải	BSCKI	004656/CCHN-CHN	05/12/2013	Khám chữa bệnh nội khoa
11	Lương Xuân Huy	BSCKI	012161/TH-CCHN	21/10/2016	Khám chữa bệnh nội khoa, thận nhân tạo
12	Nguyễn Thị Cúc	BSCKI	14884/TH-CCHN	25/09/2018	Khám chữa bệnh nội khoa
3	Hướng dẫn thực hành Bác sỹ chuyên khoa Ngoại				
1	Nguyễn Thanh Vân	TTND. BSCKII	004626/TH-CCHN	05/12/2013	Khám chữa bệnh ngoại khoa
2	Nguyễn Văn Chung	TTND. BSCKII	003232/TH-CCHN	26/5/2013	Khám chữa bệnh ngoại khoa
3	Lê Quốc Huy	BS. CKII	001205/TH-CCHN	15/10/2012	Khám chữa bệnh Ngoại chấn thương
4	Nguyễn Đình Nơi	BS. CKII	000675/TH-CCHN	25/6/2012	Khám chữa bệnh ngoại, phẫu thuật nội soi ổ bụng
5	Trần Ân Giang	BS. CKII	000676/TH-CCHN	25/6/2012	Khám chữa bệnh nội khoa thông thường
6	Lê Thành Hưng	Ths. Bác sỹ	008752/TH-CCHN	04/5/2015	Khám chữa bệnh ngoại khoa
7	Lại Văn Chính	BS. CKI	012858/TH-CCHN	12/12/2016	Khám chữa bệnh Ngoại chấn thương
8	Vương Thanh Hương	BS. CKI	003420/TH-CCHN	10/8/2017	Khám chữa bệnh khoa Ngoại
9	Mai Văn Sự	BS. CKI	004702/TH-CCHN	12/4/2019	Khám chữa bệnh ngoại khoa
10	Nguyễn Văn Diễn	BSNT	000026/TH-GPHN	08/04/2024	Khám chữa bệnh ngoại khoa
11	Nguyễn Tiến Độ	BS. CKI	13880/TH-CCHN	09/10/2017	Khám chữa bệnh nội khoa
12	Đặng Thanh Hiệp	BS. CKI	016656/TH-CCHN	06/4/2020	Khám chữa bệnh đa khoa
13	Hoàng Văn Tiệp	BS. CKI	15767/TH-CCHN	17/7/2019	Khám chữa bệnh đa khoa
4	Hướng dẫn thực hành Bác sỹ chuyên khoa Sản - Nhi				
1	Trịnh Minh Thuần	BS. CKI	000674/TH-CCHN	25/6/2012	Khám chữa bệnh ngoại, sản khoa
2	Lê Văn Nam	BS. CKI	000685/TH-CCHN	25/6/2012	Khám chữa bệnh nội khoa thông thường
3	Lương Thị Xinh	BS. CKI	005587/TH-CCHN	04/04/2014	Khám chữa bệnh sản phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình
4	Đào Thị Tiếp	BS. CKI	012549/TH-CCHN	08/11/2016	Khám chữa bệnh sản khoa
5	Ngô Thị Thoa	BS. CKI	017178/TH-CCHN	22/9/2020	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
6	Đinh Thị Phương Thảo	Ths. BS	017179/TH-CCHN	22/9/2020	Khám chữa bệnh đa khoa

7	Lưu Thị Ngân	BS.CKI	017032/TH-CCHN	16/7/2020	Khám chữa bệnh sản phụ khoa
5	Hướng dẫn thực hành Bác sỹ chuyên khoa Y học cổ truyền				
1	Bùi Hữu Dũng	BS.CKI	004654/TH-CCHN	05/12/2013	Khám chữa bệnh YHCT
2	Trịnh Thế Khởi	BSYHCT	14531/TH-CCHN	20/4/2018	Khám chữa bệnh YHCT
3	Nguyễn Thị Phương	BSYHCT	016755/TH-CCHN	06/5/2020	Khám chữa bệnh YHCT
4	Phùng Mạnh Ngọc	BSYHCT	012623/TH-CCHN	08/11/2016	Khám chữa bệnh YHCT
5	Hà Thị Hoàn	BSYHCT	004641/TH-CCHN	05/12/2013	Khám chữa bệnh YHCT
6	Phùng Thị Liên	BSYHCT	13882/TH-CCHN	09/10/2017	Khám chữa bệnh YHCT
7	Đỗ Thị Hằng	BSYHCT	15257/TH-CCHN	26/4/2019	Khám chữa bệnh YHCT
8	Phạm Diệu Linh	BSYHCT	001246/TH-GPHN	16/12/2024	Khám chữa bệnh YHCT
9	Nguyễn Thị Phương	BSYHCT	013092/TH-CCHN	16/01/2017	Khám chữa bệnh YHCT
6	Hướng dẫn thực hành Bác sỹ chuyên khoa Vật lý trị liệu – Phục Hồi chức năng				
1	Hoàng Xuân Hào	BSCKI	004622/TH-CCHN	05/12/2013	Khám chữa bệnh YHCT, VLTL - PHCN
2	Ngô Thị Dung	BSCKI	009669/TH-CCHN	04/04/2017	Khám chữa bệnh YHCT, VLTL - PHCN
3	Trịnh Thị Hương Ly	BSCKI	14311/TH-CCHN	07/02/2018	Khám chữa bệnh YHCT, VLTL - PHCN
4	Trần Thị Ban	BSCKI	005418/TH-CCHN	02/04/2014	Khám chữa bệnh YHCT, VLTL - PHCN
5	Lê Đình Chiến	BSCKI	15223/TH-CCHN	12/4/2019	Khám chữa bệnh YHCT, VLTL - PHCN
7	Hướng dẫn thực hành Bác sỹ chuyên khoa Mắt				
1	Hoàng Ngọc Tuấn	BSCKI	013089/TH-CCHN	16/01/2017	Khám chữa bệnh chuyên khoa Mắt
2	Nguyễn Thị Nga	BSYK	017432/TH-CCHN	21/12/2020	Khám chữa bệnh đa khoa
8	Hướng dẫn thực hành Bác sỹ chuyên khoa Tai – Mũi – Họng				
1	Hà Quang Luyến	BSCKI	018732/TH-CCHN	18/02/2022	Khám chữa bệnh đa khoa
2	Lê Xuân Khoa	BSCKI	15329/TH-CCHN	22/5/2019	Khám chữa bệnh đa khoa
3	Bùi Thị Huệ	BSĐK	016657/TH-CCHN	06/04/2020	Khám chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng
4	Lê Văn Thắng	BSĐK	016572/TH-CCHN	16/3/2020	Khám chữa bệnh đa khoa

9	Hướng dẫn thực hành Bác sỹ chuyên khoa Răng – Hàm – Mặt				
1	Đỗ Thị Lâm	BSRHM	14453/TH-CCHN	29/3/2018	Khám chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt
10	Hướng dẫn thực hành Bác sỹ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh				
1	Nguyễn Xuân Vân	BSCKI	004739/TH-CCHN	05/12/2013	Khám chữa bệnh CDHA, Siêu âm
2	Đỗ Xuân Ban	BSCKI	004691/TH-CCHN 45/QĐ-SYT	16/12/2013 09/01/2017	Khám chữa bệnh CDHA, Siêu âm
3	Mai Văn Lâm	BSCKI	000358/TH-CCHN	03/05/2012	Khám chữa bệnh CDHA, Siêu âm
4	Vũ Xuân Toàn	BSCKI	017814/TH-CCHN	01/04/2021	Khám chữa bệnh CDHA, siêu âm
5	Đỗ Văn Thọ	BSCKI	14357/TH-CCHN	06/03/2018	Khám chữa bệnh CDHA, siêu âm
11	Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Xét nghiệm				
1	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Thạc sỹ xét nghiệm	004718/TH-CCHN	05/12/2013	Chuyên khoa xét nghiệm
2	Mai Thị Thúy	Thạc sỹ xét nghiệm	018203/TH-CCHN	25/06/2021	Chuyên khoa xét nghiệm
3	Hàn Ngọc Đại	CN xét nghiệm	019070/TH-CCHN	20/05/2022	Chuyên khoa xét nghiệm
4	Lê Đình Chung	CN xét nghiệm	020513/TH-CCHN	28/08/2023	Chuyên khoa xét nghiệm
5	Trần Thị Nga	CN xét nghiệm	012827/TH-CCHN	05/12/2016	Chuyên khoa xét nghiệm
6	Mai Văn Toàn	CN xét nghiệm	019125/TH-CCHN	06/06/2022	Chuyên khoa xét nghiệm
7	Nguyễn Thị Xuân	CN xét nghiệm	012826/TH-CCHN	05/12/2016	Chuyên khoa xét nghiệm
8	Nhữ Thị Hương	CN xét nghiệm	038552/TH-CCHN	06/07/2020	Chuyên khoa xét nghiệm
12	Hướng dẫn thực hành Bác sỹ Y khoa, Y học dự phòng				
1	Trương Thị Xinh	Bác sỹ	018361/TH-CCHN	23/08/2021	Khám chữa bệnh Y khoa
2	Lữ Trọng Anh	Bác sỹ	000492/TH-GPHN	24/06/2024	Khám chữa bệnh Y khoa
3	Lang Hồng Thoi	Bác sỹ	000247/TH-GPHN	17/05/2024	Khám chữa bệnh Y khoa
4	Bùi Khánh Linh	Bác sỹ	016839/TH-CHN	28/05/2020	Khám chữa bệnh Y khoa
5	Nguyễn Thị Tâm	Bác sỹ	000440/TH-GPHN	17/06/2024	Khám chữa bệnh Y khoa
6	Cao Thị Định	Bác sỹ	000695/TH-GPHN	15/07/2024	Khám chữa bệnh Y khoa
7	Bùi Thị Ngân	Bác sỹ	000694/TH-GPHN	15/07/2024	Khám chữa bệnh Y khoa

8	Lương Xuân Hùng	Bác sỹ	000494/TH-GPHN	24/06/2024	Khám chữa bệnh Y khoa
9	Lê Thị Thảo	Bác sỹ	017778/TH-CCHN	01/04/2021	Khám chữa bệnh Y khoa
10	Lê Văn Thủy	BS Y học dự phòng	001053/TH-GPHN	30/09/2024	Khám chữa bệnh Y học dự phòng
13	Hướng dẫn thực hành Bác sỹ chuyên khoa Gây mê phẫu thuật				
1	Nguyễn Việt Dũng	BSCCKII	0005774/DNA-CCHN	25/12/2015	Khám chữa bệnh chuyên khoa gây mê hồi sức
2	Phạm Thị Thanh	Bác sỹ	016172/TH-CCHN	31/10/2019	Khám chữa bệnh chuyên khoa gây mê hồi sức
3	Nguyễn Bá Vĩnh	Bác sỹ	018020/TH-CCHN	27/05/2021	Khám chữa bệnh chuyên khoa gây mê hồi sức
14	Hướng dẫn thực hành Bác sỹ chuyên khoa Ung Bướu				
1	Nguyễn Đình Nơi	BSCCKII	000675/TH-CCHN 707/QĐ-SYT	25/06/2012 14/08/2018	Khám chữa bệnh Ngoại khoa, Ung bướu
2	Trương Xuân Tiến	Ths. BS	016770/TH-CCHN	06/05/2020	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu
3	Bùi Xuân Kiên	BSCCKI	13978/TH-CCHN 206/QĐ-SYT	06/11/2017 22/03/2019	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu
4	Nguyễn Tiến Độ	BSCCKI	13880/TH-CCHN 207/QĐ-SYT	09/10/2017 22/03/2019	Khám chữa bệnh Nội khoa, Ung bướu
5	Hoàng Văn Tiệp	Bác sỹ	15767/TH-CCHN	17/07/2019	Khám chữa bệnh đa khoa, hóa trị, chăm sóc giảm nhẹ
6	Nguyễn Thị Thảo	Bác sỹ	016771/TH-CCHN	06/05/2020	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu
7	Phạm Thị Hoàng Uyên	Bác sỹ	016822/TH-CCHN	25/05/2020	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu
15	Hướng dẫn thực hành Điều Dưỡng				
1	Trương Thị Nhung	CN Điều dưỡng	004712/TH-CCHN	05/12/2013	Điều dưỡng viên
2	Trần Thị Thủy	CN Điều dưỡng	012832/TH-CCHN	05/12/2016	Điều dưỡng viên
3	Trịnh Thị Lý	CN Điều dưỡng	017054/TH-CCHN	16/07/2020	Điều dưỡng viên
4	Nguyễn Thị Hội	CN Điều dưỡng	000991/TH-CCHN	10/08/2012	Điều dưỡng viên
5	Nguyễn Văn Hùng	CN Điều dưỡng	016325/TH-CCHN	30/12/2019	Điều dưỡng viên
6	Lê Thị Hoan	CN Điều dưỡng	017996/TH-CCHN	11/05/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
7	Nguyễn Thị Yến Nhi	CN Điều dưỡng	018577/TH-CCHN	10/11/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

8	Nguyễn Thị Ngọc Lan	CN Điều dưỡng	001008/TH-CCHN	10/08/2012	Điều dưỡng viên
9	Phạm Thị Thủy	CN Điều dưỡng	017156/TH-CCHN	10/09/2020	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
10	Trần Thị Tươi	CN Điều dưỡng	004730/TH-CCHN	05/12/2013	Điều dưỡng viên
11	Nguyễn Thị Trang	CN Điều dưỡng	016695/TH-CCHN	06/04/2020	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
12	Lê Thị Hằng	CN Điều dưỡng	016696/TH-CCHN	06/04/2020	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
13	Nguyễn Thị Nguyệt	CN Điều dưỡng	016608/TH-CCHN	16/03/2020	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
14	Trịnh Lan Hương	CN Điều dưỡng	018712/TH-CCHN	24/01/2022	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
15	Nguyễn Diệu Linh	CN Điều dưỡng	018711/TH-CCHN	24/01/2022	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
16	Tổng Thị Sáu	CN Điều dưỡng	14155/TH-CCHN	29/12/2017	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
17	Lê Thị Minh Tân	CN Điều dưỡng	00916/TH-GPHN	27/08/2027	Điều dưỡng
18	Nguyễn Thị Nga	CN Điều dưỡng	000665/ĐNAI-GPHN	11/11/2024	Điều dưỡng
19	Hoàng Bá Tuấn	CN Điều dưỡng	019692/TH-CCHN	16/01/2023	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
20	Nguyễn Thị Ánh	CN Điều dưỡng	018206/TH-CCHN	25/06/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
21	Bùi Thị Ngọc	CN Điều dưỡng	016698/TH-CCHN	06/04/2020	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

22	Hà Thị Thùy	CN Điều dưỡng	019691/TH-CCHN	16/01/2023	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
23	Lê Thị Thương	CN Điều dưỡng	000917/TH-GPHN	27/08/2024	Điều dưỡng viên
24	Hoàng Thị Lan	CN Điều dưỡng	000113/TH-GPHN	06/05/2024	Theo quy định tại phụ lục VII, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT
25	Trương Văn Thọ	CN Điều dưỡng	030922/BYT-CCHN	03/11/2016	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
26	Ngô Thị Thủy	CN Điều dưỡng	016874/TH-CCHN	28/05/2020	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
27	Lê Thị Thanh	CN Điều dưỡng	018374/TH-CCHN	23/08/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
28	Lê Thị Phương	Điều dưỡng CKI	001797/TH-CCHN	19/04/2017	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
29	Lê Thị Liễu	Điều dưỡng CKI	018581/TH-CCHN	12/11/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
16	Hướng dẫn thực hành KTV Chẩn đoán hình ảnh				
1	Lê Duy Bắc	CN kỹ thuật hình ảnh Y học	011523/TH-CCHN	19/04/2017	KTV Chẩn đoán hình ảnh
2	Nguyễn Văn Tài	CN kỹ thuật hình ảnh Y học	000835/TH-CCHN	19/04/2017	KTV Chẩn đoán hình ảnh
3	Nguyễn Tuấn Anh	CĐ kỹ thuật hình ảnh Y học	001691/TH-CCHN	19/04/2017	KTV Chẩn đoán hình ảnh
4	Nguyễn Văn Linh	CĐ kỹ thuật hình ảnh Y học	000337/TH-CCHN	19/04/2017	KTV Chẩn đoán hình ảnh
5	Hà Văn Linh	CN kỹ thuật hình ảnh Y học	001799/TH-CCHN	25/07/2016	KTV Chẩn đoán hình ảnh

6	Trịnh Đức Hà	CN kỹ thuật hình ảnh Y học	018707/TH-CCHN	24/01/2022	KTV Chẩn đoán hình ảnh
7	Nguyễn Văn Đạt	CĐ kỹ thuật hình ảnh Y học	017334/TH-CCHN	12/11/2020	KTV Chẩn đoán hình ảnh
8	Đào Văn Chung	CĐ kỹ thuật hình ảnh Y học	017452/TH-CCHN	21/12/2020	KTV Chẩn đoán hình ảnh
9	Nguyễn Thị Thảo	CN kỹ thuật hình ảnh Y học	000719/TH-GPHN	15/07/2024	KTV Chẩn đoán hình ảnh
17	Hướng dẫn thực hành KTV Phục hồi chức năng				
1	Nguyễn Thu Thảo	CN Phục hồi chức năng	016255/TH-CCHN	22/11/2019	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng
2	Nguyễn Văn Bắc	CĐ Kỹ thuật VLTL - PHCN	004745/TH-CCHN	05/12/2013	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng
3	Ngô Thị Việt Anh	CĐ KTV PHCN	967/QĐ-SYT	16/08/2017	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng
4	Lê Thị Thủy	CĐ KTV PHCN	00052/TH-CCHN	10/04/2012	Kỹ thuật viên VLTL - phục hồi chức năng
5	Đào Minh Hiếu	CĐ KTV PHCN	014725/ĐNAI-CCHN	28/12/2022	Kỹ thuật viên VLTL - phục hồi chức năng
18	Hướng dẫn thực hành Nữ hộ sinh				
1	Trương Thị Hạnh	CĐ Nữ hộ sinh	001253/TH-CCHN	15/12/2012	Hộ sinh viên
2	Ninh Thị Hồng	CĐ Nữ hộ sinh	004714/TH-CCHN	05/12/2023	Hộ sinh viên
3	Đỗ Thị Vân Anh	CĐ Nữ hộ sinh	001258/TH-CCHN	15/12/2012	Hộ sinh viên
4	Lương Thị Ngọc	CĐ Nữ hộ sinh	001257/TH-CCHN	15/12/2012	Hộ sinh viên
5	Nguyễn Thị Thu	CĐ Nữ hộ sinh	001252/TH-CCHN	15/12/2012	Hộ sinh viên
6	Tạ Thị Thúy	CĐ Nữ hộ sinh	013098/TH-CCHN	16/01/2017	Hộ sinh viên
7	Lương Thị Ngọc	CĐ Nữ hộ sinh	001257/TH-CCHN	15/10/2012	Hộ sinh viên
8	Trịnh Thị Thu Hà	CĐ Nữ hộ sinh	001251/TH-CCHN	15/10/2012	Hộ sinh viên
9	Lương Thị Oanh	CĐ Nữ hộ sinh	013090/TH-CCHN	16/01/2017	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

10	Lê Thị Hà	CĐ Nữ hộ sinh	013095/TH-CCHN	16/01/2017	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
11	Lê Thị Hạnh	CĐ Nữ hộ sinh	012854/TH-CCHN	12/12/2016	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-3NV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
19	Hướng dẫn thực hành Y sỹ Y học cổ truyền				
1	Phạm Văn Duyệt	Lương Y	018500/TH-CCHN	15/10/2021	Khám bệnh, chữa bệnh bằng phương pháp Y học cổ truyền
2	Trịnh Thị Bích	Y sỹ YHCT	004639/TH-CCHN	05/12/2013	Khám bệnh, chữa bệnh bằng phương pháp Y học cổ truyền
3	Đỗ Thị Thiện	Y sỹ YHCT	004637/TH-CCHN	05/12/2013	Khám bệnh, chữa bệnh bằng phương pháp Y học cổ truyền
4	Vũ Thị Hằng	Y sỹ YHCT	017190/TH-CCHN	22/09/2020	Khám bệnh, chữa bệnh bằng phương pháp Y học cổ truyền
5	Nguyễn Thu Trang	Y sỹ YHCT	017386/TH-CCHN	02/12/2020	Khám bệnh, chữa bệnh bằng phương pháp Y học cổ truyền
6	Trần Văn Cẩn	Y sỹ YHCT	001247/TH-CCHN	15/10/2012	Khám bệnh, chữa bệnh bằng phương pháp Y học cổ truyền
7	Nguyễn Thị Ngọc	Y sỹ YHCT	001084/TH-GPHN	30/09/2024	Khám bệnh, chữa bệnh bằng phương pháp Y học cổ truyền
8	Nguyễn Xuân Sáng	Y sỹ YHCT	001260/TH-CCHN	15/10/2012	Khám bệnh, chữa bệnh bằng phương pháp Y học cổ truyền

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 12 năm 2024

PHỤ LỤC 2

SỐ LƯỢNG NGƯỜI THỰC HÀNH CÓ THỂ TIẾP NHẬN

ĐỂ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số:01 /BV- HL ngày 01 tháng 01 năm 2025)

STT	Phạm vi hành nghề	Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận	Ghi chú
1	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Hồi sức cấp cứu	4	
2	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Nội khoa	12	
3	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa	13	
4	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Sản Nhi	7	
5	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền	9	
6	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng	5	
7	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Mắt	2	
8	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Tai mũi họng	4	
9	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt	1	
10	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chẩn đoán hình ảnh	5	
11	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học	8	
12	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y khoa	8	
13	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học dự phòng	2	
14	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Gây mê hồi sức	3	
15	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Ung Bướu	7	
16	Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng	29	
17	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học	9	
18	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng	5	
19	Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh	11	
20	Y sĩ với phạm vi hành nghề Ys YHCT	8	